



Vụ ngu n g c

đ a danh Đà Lạt

Khi tìm hi u v ngu n g c đ a danh Đà Lạt, có ý ki n cho r ng tên thành ph này xu t phát t vi c l y nh ng ch cái c a câu ti ng la tinh "*Dat Aliis Laetitiam Aliis Temperiem*" mà ghép thành. T vi c hình thành thành ph cao nguyên có khí h u trong lành mát m v i vai trò c a ng i Pháp, đ c bi t là bác sĩ, nhà thám hi m Alexandre Yersin, ý nghĩa c a câu trên (Cho nh ng ng i này ni m vui, nh ng ng i khác s mát lành) v i v b ngoài có v văn ch ng, " bác h c ", đ thuy t ph c nhi u ng i n u ch a tìm hi u c n k , chu đáo.

Tr c h t, t i sao t Dat Aliis Laetitiam Aliis Temperiem l i thành ra Đà Lạt, hay rõ h n là Dalat ? Đây là m t hi n t ng ngôn ng có nhi u trong ti ng Pháp (ho c ti ng Anh), g i là *acronyme / acronym* , t c là m t t đ c c c u t o b i nh ng ch cái đ u nh ng t khác. Nh ng t nh radar hay laser là ví d rõ nh t c a *acronyme*. Radar xu t phát t " RAdio Detecting And Ranging " và laser là " Light amplification by the stimulated emission of radiation" . M t lo t tên g i các t ch c đ u dùng theo ki u này: ONU (Organisation des Nations Unies - T ch c Liên Hi p Qu c), OTAN (Organisation du Traité de l'Atlantique Nord - T ch c Minh c B c Đ i Tây D ng) ... Các t ch c vi t theo ti ng Anh cũng t ng t nh th : UNESCO (United Nations Educational, Scientific, Cultural Organization, T ch c Giáo d c, Khoa h c, Văn hoá Liên Hi p Qu c,) UNICEF (United Nations Children's Fund, Qu Nhi đ ng Liên Hi p Qu c).

Acronyme g n gi ng (ch không ph i là) ch vi t t t (*abréviation*). Đi m khác bi t là *acronyme* đ c lên nh m t t , còn *abréviation*, ch vi t t t, thì đ c t ng ch cái m t. Căn b nh SIDA (ti ng Anh là AIDS) đ c đ c nh m t t , và ít ai đ ý t i nh ng t t o thành vì là thu t ng khoa h c, khó hi u, khó nh . Còn các t sau đây là t vi t t t, đ c đ c t ng ch cái m t: TGV (train à grande vitesse, tàu cao t c) , BBC (British Broadcasting

Corporation) CNN (Cable News Network). Khi đ c gi theo ti ng Anh ta quen dùng nh ng t vi t t t AM và PM do các t la tinh ante meridiem và post meridiem, có nghĩa là tr c (ante) hay sau (post) bu i tr a.

Nh v y, acronyme là t m i, thành l p b ng cách l y ch cái đ u nh ng t khác. Còn m t hi n t ng thú v khác có liên quan là: t nh ng t có s n, ng i ta l y nh ng ch cái đ u đ sáng t o ra nh ng t khác, t c là làm theo quy trình ng c l i, ti ng Pháp g i là rétroacronyme, ti ng Anh backronym.

Ki u c u t o t này ch đ khô hài, ch m bi m, nhi u khi là m t bi n pháp ch i ch :
Th ng hi u các đ ng c th thao n i ti ng Adidas (do tên ng i sáng l p Adi Dassler)
đ c di n đ ch là All Day I Dream About Sports (Su t ngày tôi m t i th thao) ho c
Argent Dépensé Inutilement Dans Achat Sportif (Ti n xài phí đ mua đ th thao).
Ti ng Pháp có t SDF ch nh ng ng i vô gia c (Sans domicile fixe) đ c ch thành
Solitaire Dans la Foule (cô đ n trong đám đông). Ng i sành r u cognac đ u bi t m y
ch VSOP ch lo i r u đ c l lâu năm (t 7 đ n 10 năm), do các t Very Special Old
Pale , đ c gi i thích khô hài là Verser Sans Oublier Personne (Rót không quên ai)!

Ch ng riêng gì ti ng Anh ti ng Pháp, trong ti ng Vi t ta cũng có nhi u cách ch i ch nh
th này.

Nhà văn Đái Đ c Tu n (1908 - 1968) l y bút hi u TchyA, khi n m i ng i đoán : "Tôi ch
yêu Adèle" ho c " Tôi ch ng yêu ai / Tôi ch a h yêu ai ". Thành ph Ban Mê Thu t /
Buôn Ma Thu t, vi t t t BMT, có ng i đ c là Bu n Muôn Thu hay là B i Mù Tr i.
Và t lâu l m, nh ng tên g i thu c lá đ u đ c đ c b ng nhi u cách r t t u:
SALEM: Sao Anh Làm Em M t và đ c ng c Mà Em Làm Anh S ng
CAPSTAN : (m t câu đ c xuôi, m t câu ng c):
Chi c áo phong s ng tình anh n ng
N ân tình sao ph anh chi

Cho anh phát súng tim anh nát
Nh ng anh tin s ph n anh còn

PALL MALL : Phòng ai l nh l o, mình anh l nh lũng
Hay : Ph i anh là lính, m i anh lên l u.

Riêng nhận hiểu bia:

CARLSBERG : Các Anh Ráng Lũy Sốc B Em Ra Giêng

HEINEKEN : Hôn Em Ít Nền Em Khổu Em Nhéo.

Nu Em Khoái Em N m Im Em Hêng.

HALIDA : Hãy Li u Đi Anh

HUDA : Hãy U ng Đi Anh (xuôi)

Anh Đã U ng H t (ng c).

Lan man dông dài này gì không phải là l c đ mà đ có đ n ch ng đ đi đ n nh n đ nh: t cái tên Đà Lạt có s n, ai đó m i sáng t o ra câu ti ng la tinh kia, ch không phải ng c l i. Cũng c n nói cho rõ, th c ra là t cái tên Dalat, t c là tên vi t theo ti ng Pháp. Th i Pháp thu c, n i u đ a danh Vi t Nam đ u đ c sách báo, b n đ ng i Pháp ghi theo cách đ c ti ng Pháp. Buôn Ma Thu t tr thành Banmethuot. Sài Gòn ghi là Saigon, Hà N i bi n thành Hanoi (vi t dính vào thành m t ch , v i i, i có hai ch m, i tréma , đ gi âm " ôi ", n u không ng i Pháp s đ c là " oa ").

Tên g i đúng c a thành ph này tr c sau v n là Đà Lạt, không phải Dalat.

V y thì ngu n g c đ a danh Đà Lạt là gì?

Có ý kiến cho là Đà Lạt là cách đ c tr i (hay vi t sai chính t ?) c a Đa Lạc, n i u ni m vui, vi n đ n đ a danh c a n i u thôn xóm, khu ph c a thành ph này nh Đa Lạc, Đa Lạc, Đa Thành, Đa Lạc, Đa Thi n... Xem ra đây ch là m t lý gi i d dãi, h i h t, thi u ch ng c , ít thuy t ph c.

Cách gi i thích đ c chính th c công nh n cho r ng: Đ a danh Đà Lạt đ c b t ngu n t ch Đ Lạc, tên g i c a con su i Cam Ly. Kh i ngu n t huy n Lạc Đ ng, giòng su i Cam Ly ch y qua khu v c Đà Lạt theo h ng b c – nam, trong đó đ n t kho ng h Than Th t i thác Cam Ly ngày nay đ c g i là Đ Lạc.

Theo ngôn ngữ c a ng i Th ng, Đ hay Dak có nghĩa là n c, ng i Lạc (hay còn vi t Lạc, Lat, M'Lates) là tên g i c a m t nhóm c dân nh ng i K ho, s ng lâu đ i trên cao nguyên Lang Bian. "Lạc", theo ti ng đ a ph ng, có nghĩa là "r ng th a" dùng đ ch vùng r ng thông, đ i tr c t dãy Lang Bian tr i dài xu ng Tây Nam, bao g m c thành ph Đà Lạt ngày nay.

Tên g i Đà Lạt (Đ Lạc) có nghĩa n c hay su i c a ng i Lạc (Lát) .

Ngay ông Cunhac, viên Công s đ u tiên c a thành ph Đà Lạt cũng hi u Đà Lạt nh v y. "À la place du lac coulait le petit ruisseau de la tribu des Lat et qu'on appelait "Dalat" (Da au Dak: eau en moi)". (ch h n c có giòng su i nh c a b t c Lat ch y qua mà ng i ta g i là Dalat - Da hay Dak nghĩa là n c theo ti ng Th ng).

Và Stanley Karnow, một sử gia nổi tiếng của Mỹ, trong bài Return to Dalat đăng trong "Smithsonian Magazine", một tạp chí Nhân Văn Kỷ niệm uy tín, cũng có ý kiến như sau:

Núi có độ cao khoảng 5000 feet (1500m) so với mặt nước biển, cao nguyên có số dân thưa thớt gồm các sắc tộc miền thượng; năm 1893, Alexandre Yersin, một nhà khoa học người Thuỵ Sĩ, với sự thích thú khám phá, đã đi bộ lên vùng này. (Yersin , người điểu hành vi nghiên cứu tại Viện Pasteur Paris, sau này sang Trung Quốc, và phát hiện trong khu vực gây bệnh dịch hạch lúc đó đang hoành hành ở Á châu và đe dọa phương Tây.) Với sự hoang sơ và khí hậu trong lành đã gây cho Yersin ấn tượng mạnh nên ông ra sức thuyết phục giới cầm quyền thuộc dân Pháp phát triển nơi này thành một trung tâm nghỉ dưỡng. Theo một vài nguồn tin, một quan chức không rõ tên đã đặt tên vùng đất này là Đà Lạt, có nghĩa là " con suối của dân tộc Lat ". Sau đó, một nhân vật có hiểu biết kinh điển đã tạo ra một châm ngôn quốc gia, một acronym ghép từ những chữ cái đầu tiên của câu tiếng Latinh " dat aliis laetitiam aliis temperiem - cho những người này niềm vui, những người khác khí hậu đẹp đẽ."

Nói tóm lại, nguồn gốc địa danh Đà Lạt không phải xuất phát từ câu " Dat aliis laetitiam, aliis temperiem ". Hiện nay thành phố cao nguyên này còn được nhắc đến với những tên gọi khác : " Thành phố Mộng Mơ ", " Thành phố buồn ", "Thành phố sương mù " "Thành phố ngàn thông", "Thành phố ngàn hoa", "Xứ hoa Anh Đào" hay "Tiểu Paris".

THÂN TRỌNG SƠN

